

Số: 03/QĐ-UBND

Hoàng Tân, ngày 05 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HOÀNG TÂN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân phường Hoàng Tân phê chuẩn kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2022; phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2023”;

Xét đề nghị của Tài chính kế toán phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của phường Hoàng Tân (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân phường, công chức tài chính kế toán phường và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch TP;
- TT Đảng ủy – HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Các ban ngành, đoàn thể ở phường;
- Các KDC trong phường;
- Đài TT phường;
- Lưu: VP.



Nguyễn Văn Cấp



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2023
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	9.727.460	TỔNG SỐ CHI	9.727.460
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	123.000	I. Chi đầu tư phát triển	4.553.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	4.623.950	II. Chi thường xuyên	5.036.460
III. Thu bổ sung	4.980.510	III. Dự phòng	138.000
- Bổ sung cân đối	4.980.510		
- Bổ sung có mục tiêu	-		
IV. Thu chuyển nguồn			



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2023

Biểu số 109/CK TC-NSNN

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU	9.727.460	9.727.460
I	Các khoản thu 100%	123.000	123.000
1	Phí, lệ phí	15.000	15.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	88.000	88.000
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác	20.000	20.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	4.623.950	4.623.950
1	Các khoản thu phân chia	70.950	70.950
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
	- Thuế GTGT	49.950	49.950
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
	- Thuế thu nhập cá nhân	21.000	21.000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định	4.553.000	4.553.000
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.980.510	4.980.510
	- Thu bổ sung cân đối	4.980.510	4.980.510
	- Thu bổ sung có mục tiêu	0	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phường quyết định)

Đơn vị tính: 1000 đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	9.727.460	4.553.000	5.174.460
	Trong đó			
1	Chi giáo dục	24.000		24.000
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi y tế			24.000
4	Chi văn hóa, thông tin	62.000		62.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh	67.390		67.390
6	Chi thể dục thể thao	16.000		16.000
7	Chi bảo vệ môi trường	30.000		30.000
8	Chi các hoạt động kinh tế	122.668		122.668
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.091.017		4.091.017
10	Chi cho công tác xã hội	447.718		447.718
11	Chi khác			86.267
12	Tiết kiệm chi	65.400		65.400
13	Dự phòng	138.000		138.000